

**ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO**

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOẢ K13XDD

**TÊN HỌC PHẦN: CƠ HỌC ĐẤT
MÃ HỌC PHẦN : MEC - 316**

**HỌC KỲ 6
TÍN CHỈ 2
LẦN THI 1**

Ngày thi: 02/04/2010

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				10			10				10	70	100			
1	111140268	NGUYỄN TRUNG NGHĨA	K13XDD1	0			0					0	HP	0.0	Khăng	
2	112210274	NGUYỄN DUY NHÂN	K13XDD1	8			6					8	5	5.7	Nằm phẩy Bảy	
3	112210324	NGUYỄN MINH TRÍ	K13XDD1	0			0					0	HP	0.0	Khăng	
4	122210280	HỒ VĂN LŨY	K13XDD1	6			6.5					8	1	2.8	Hai phẩy Tám	
5	122210316	ĐỖ BÁ THIÊN	K13XDD1	8			7.5					5	4.5	5.2	Nằm phẩy Hai	
6	122214411	LÊ XUÂN LỘC	K13XDD1	8			6.5					8	4	5.1	Nằm phẩy Sáu	
7	132214404	TRẦN PHƯỚC ANH	K13XDD1	10			8.5					7.5	6	6.8	Sáu phẩy Tám	
8	132214405	HOÀNG ĐỨC ẪNH	K13XDD1	6			7.5					8	V	0.0	Khăng	
9	132214409	TRƯƠNG NGUYỄN QUỐC BẢO	K13XDD1	10			7.5					7.5	7.5	7.8	Bảy phẩy Tám	
10	132214410	PHẠM THỊ BÍCH	K13XDD1	10			8					7.5	8	8.2	Tám phẩy Hai	
11	132214417	PHAN XUÂN CHIẾN	K13XDD1	10			6.5					7.5	4	5.2	Nằm phẩy Hai	
12	132214418	NGUYỄN VĂN CHINH	K13XDD1	10			7					7.5	8	8.1	Tám phẩy Sáu	
13	132214434	NGUYỄN VĂN DŨNG	K13XDD1	8			7.5					7	5	5.8	Nằm phẩy Tám	
14	132214437	QUÁCH HOÀNG DŨNG	K13XDD1	10			8.5					7.5	6.5	7.2	Bảy phẩy Hai	
15	132214443	NGUYỄN VĂN HẢI	K13XDD1	10			7					7	8	8.0	Tám	
16	132214448	HOÀNG TRUNG HIỆU	K13XDD1	8			7.5					7.5	2.5	4.1	Bốn phẩy Sáu	
17	132214451	NGUYỄN TIẾN HÙNG	K13XDD1	6			7					7.5	6	6.3	Sáu phẩy Ba	
18	132214454	PHAN VĂN HOÀI	K13XDD1	8			8					7.5	6.5	6.9	Sáu phẩy Chín	
19	132214458	NGUYỄN VĂN HOÀNG	K13XDD1	10			8.5					8	4.5	5.8	Nằm phẩy Tám	
20	132214472	NGUYỄN CAO HUỐNG	K13XDD1	10			8					8	4	5.4	Nằm phẩy Bốn	
21	132214478	NGUYỄN DUY KHÁNH	K13XDD1	8			7					7.5	6.5	6.8	Sáu phẩy Tám	
22	132214487	VĂN CÔNG LẬP	K13XDD1	10			7.5					8	6.5	7.1	Bảy phẩy Sáu	
23	132214492	NGUYỄN VIỆT LONG	K13XDD1	8			6.5					7.5	5.5	6.1	Sáu phẩy Sáu	
24	132214498	NGUYỄN KIM MAU	K13XDD1	10			7					8	6.5	7.1	Bảy phẩy Sáu	
25	132214503	NGUYỄN XUÂN THÁI NGỌC	K13XDD1	10			8					7	6	6.7	Sáu phẩy Bảy	
26	132214507	LÊ VĂN NHÂN	K13XDD1	10			6					7.5	6	6.6	Sáu phẩy Sáu	
27	132214508	NGUYỄN HỮU THÀNH NHÂN	K13XDD1	6			6.5					7.5	2.5	3.8	Ba phẩy Tám	
28	132214514	NGUYỄN NGUYỄN PHÁT	K13XDD1	10			7.5					8	5.5	6.4	Sáu phẩy Bốn	
29	132214520	ĐẶNG VĂN BẢO PHƯỚC	K13XDD1	10			8					7	2.5	4.3	Bốn phẩy Ba	
30	132214524	ĐẶNG MINH PHƯƠNG	K13XDD1	8			7					8	4	5.1	Nằm phẩy Sáu	
31	132214529	LÊ QUÂN	K13XDD1	5			7					8	2.5	3.8	Ba phẩy Tám	
32	132214535	NGUYỄN CÔNG QUANG	K13XDD1	10			7					8	2.5	4.3	Bốn phẩy Ba	
33	132214540	HỒ NGỌC SẮC	K13XDD1	8			8					7.5	3	4.5	Bốn phẩy Năm	
34	132214543	HUỶNH LINH SƠN	K13XDD1	8			7.5					7.5	4	5.1	Nằm phẩy Sáu	
35	132214545	TRẦN BẢO SƠN	K13XDD1	10			7					8	3	4.6	Bốn phẩy Sáu	
36	132214550	TRƯƠNG ĐÌNH TÂN	K13XDD1	8			7					8	4.5	5.5	Nằm phẩy Năm	
37	132214555	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	K13XDD1	10			7.5					7	4.5	5.6	Nằm phẩy Sáu	
38	132214560	PHAN ĐÌNH THÀNH	K13XDD1	8			7.5					7	5	5.8	Nằm phẩy Tám	
39	132214574	NGUYỄN THƯƠNG	K13XDD1	10			8.5					7.5	4.5	5.8	Nằm phẩy Tám	
40	132214575	PHẠM MINH TIẾP	K13XDD1	8			7					8	2.5	4.1	Bốn phẩy Sáu	

Ngày thi: 02/04/2010

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				10			10					10	70	100		
41	132214581	NGUYỄN TIẾN TOÀN	K13XDD1	8			6.5					8	5	5.8	Nằm phẩy Tam	
42	132214587	VÕ CÔNG TRÚ	K13XDD1	6			6.5					8	4	4.9	Bất phẩy Chèn	
43	132214592	MAI HOÀNG TRUNG	K13XDD1	8			7.5					8	4.5	5.5	Nằm phẩy Nằm	
44	132214596	NGUYỄN THANH TRƯỜNG	K13XDD1	10			6					8	6	6.6	Sâu phẩy Sâu	
45	132214601	NGUYỄN KIM TUẤN	K13XDD1	10			8.5					8	4	5.5	Nằm phẩy Nằm	
46	132214606	NGUYỄN TIẾN TÙNG	K13XDD1	5			8					8	2.5	3.9	Ba phẩy Chèn	
47	132214612	NGUYỄN XUÂN VÀNG	K13XDD1	10			7					8	3	4.6	Bất phẩy Sâu	
48	132214616	TRẦN HOÀNG VIỆT	K13XDD1	10			7.5					7.5	3	4.6	Bất phẩy Sâu	
49	132214620	TRẦN VĂN VINH	K13XDD1	10			7					8	4.5	5.7	Nằm phẩy Bay	
50	132214624	NGUYỄN MINH VƯƠNG	K13XDD1	10			7					7.5	3.5	4.9	Bất phẩy Chèn	
51	132214625	PHẠM XUÂN VƯƠNG	K13XDD1	10			7.5					8	1	3.3	Ba phẩy Ba	
52	132214633	TRƯƠNG VIỆT LONG	K13XDD1	8			7.5					7.5	3	4.4	Bất phẩy Bất	
53	112210240	LÊ BÁ CHIẾN	K13XDD2	10			7					7	2	3.8	Ba phẩy Tam	
54	112210280	LÊ THANH PHONG	K13XDD2	0			0					0	HP	0.0	Khăng	
55	132214402	BÙI TUẤN ANH	K13XDD2	10			8					7	3	4.6	Bất phẩy Sâu	
56	132214412	PHAN THANH BÌNH	K13XDD2	10			8.5					9	8.5	8.7	Tam phẩy Bay	
57	132214419	MAI DUY VIỆT CƯỜNG	K13XDD2	6			6.5					7	3	4.1	Bất phẩy Mất	
58	132214430	TRẦN ANH ĐỨC	K13XDD2	8			7.5					7	4	5.1	Nằm phẩy Mất	
59	132214435	TRẦN VIỆT DŨNG	K13XDD2	5			7.5					7	3.5	4.4	Bất phẩy Bất	
60	132214446	CAO HUY HIỂN	K13XDD2	10			7					7	8.5	8.4	Tam phẩy Bất	
61	132214449	NGUYỄN VŨ VIỆT HIẾU	K13XDD2	10			6.5					7	4	5.2	Nằm phẩy Hai	
62	132214455	CAO THANH HOÀN	K13XDD2	8			7					7	8	7.8	Bay phẩy Tam	
63	132214460	VĂN NGỌC HOÀNG	K13XDD2	10			7					7	8	8.0	Tam	
64	132214465	NGUYỄN HỮU HÙNG	K13XDD2	10			8					7	5.5	6.4	Sâu phẩy Bất	
65	132214471	TRẦN XUÂN HÙNG	K13XDD2	10			7					7	6	6.6	Sâu phẩy Sâu	
66	132214479	VÕ ĐÌNH KHÁNH	K13XDD2	10			7					8	8	8.1	Tam phẩy Mất	
67	132214483	HOÀNG KHUYNH	K13XDD2	10			7.5					8	5.5	6.4	Sâu phẩy Bất	
68	132214494	NGUYỄN THANH LUÂN	K13XDD2	10			8					8	8	8.2	Tam phẩy Hai	
69	132214499	TRẦN ĐÌNH DUY MINH	K13XDD2	10			7.5					8	6	6.8	Sâu phẩy Tam	
70	132214502	VŨ HOÀI NAM	K13XDD2	10			7.5					7	3.5	4.9	Bất phẩy Chèn	
71	132214504	TRẦN NGỌC	K13XDD2	8			7					8	3	4.4	Bất phẩy Bất	
72	132214515	NGUYỄN HÙNG PHI	K13XDD2	10			7					7	4	5.2	Nằm phẩy Hai	
73	132214523	ĐẶNG NGỌC PHƯỚC	K13XDD2	10			7					7	2.5	4.2	Bất phẩy Hai	
74	132214530	NGUYỄN VĂN QUÂN	K13XDD2	6			5					8	2	3.3	Ba phẩy Ba	
75	132214536	TRẦN ĐÌNH QUỐC	K13XDD2	8			7.5					8	1.5	3.4	Ba phẩy Bất	
76	132214541	LÊ MINH SANG	K13XDD2	10			8					8	4.5	5.8	Nằm phẩy Tam	
77	132214546	TRẦN QUỐC SON	K13XDD2	10			6					8	3.5	4.9	Bất phẩy Chèn	
78	132214551	ĐẶNG VIỆT THÀNH	K13XDD2	10			8.5					8	6	6.9	Sâu phẩy Chèn	
79	132214554	LÊ HUY THẮNG	K13XDD2	10			6.5					7	8	8.0	Tam	
80	132214556	NGUYỄN THỌ THẮNG	K13XDD2	8			6.5					7	4	5.0	Nằm	
81	132214558	HOÀNG KIM THÀNH	K13XDD2	10			7.5					7	5	6.0	Sâu	
82	132214565	NGUYỄN TRƯỜNG THIÊN	K13XDD2	10			6.5					7	4.5	5.5	Nằm phẩy Nằm	
83	132214569	HUỶNH DUY THUẬN	K13XDD2	6			5					7	5	5.3	Nằm phẩy Ba	

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO**

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOẢ K13XDD

TÊN HỌC PHẦN: CƠ HỌC ĐẤT

HỌC KỲ 6

MÃ HỌC PHẦN : MEC - 316

TÍN CHỈ 2

Ngày thi: 02/04/2010

LẦN THI 1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10			10					10	70	100		
84	132214571	BÙI ĐÌNH	THỰC	K13XDD2	10			7					7	4.5	5.6	Năm pháp Sáu	
85	132214576	LÊ NHẤT	TÍNH	K13XDD2	8			7.5					7	3	4.4	Bất pháp Bất	
86	132214586	TRẦN DUY	TRINH	K13XDD2	5			7.5					7	3.5	4.4	Bất pháp Bất	
87	132214588	HOÀNG ĐÌNH	TRUNG	K13XDD2	10			7					8	6	6.7	Sáu pháp Bảy	
88	132214591	PHAN THANH	TRUNG	K13XDD2	5			6					7	2.5	3.6	Ba pháp Sáu	
89	132214593	LÊ MẠNH	TRƯỜNG	K13XDD2	8			7					8	5.5	6.2	Sáu pháp Hai	
90	132214597	NGUYỄN HỮU	TÚ	K13XDD2	10			7					7	6.5	7.0	Bảy	
91	132214602	PHẠM THANH	TUẤN	K13XDD2	8			6					8	4	5.0	Năm	
92	132214607	TRẦN SƠN	TÙNG	K13XDD2	10			8.5					8	4	5.5	Năm pháp Năm	
93	132214613	NGÔ THÀNH	VIÊN	K13XDD2	8			7.5					7	5	5.8	Năm pháp Tám	
94	132214619	PHAN QUANG	VINH	K13XDD2	10			7					7	2.5	4.2	Bất pháp Hai	
95	132214621	ĐỖ ANH	VŨ	K13XDD2	10			7					7	2.5	4.2	Bất pháp Hai	
96	132214626	DƯƠNG LÊ	VƯƠNG	K13XDD2	10			7					7	3.5	4.9	Bất pháp Chèn	
97	132214629	NGUYỄN THÁI	NGUYỄN	K13XDD2	10			7.5					7	2	3.9	Ba pháp Chèn	
98	132214637	HỒ THÀNH	TRUNG	K13XDD2	10			7					7	3	4.5	Bất pháp Năm	
1	8412	NGUYỄN XUÂN	HOÀNG	K10XC	6			5					5	1.5	3.0	Ba	
2	8430	NGUYỄN NHO	MINH	K11XC1	0			0					8	2	2.0	Hai	
3	0457	VÕ MINH	TẤN	K11XC2	10			6.5					7	2	4.0	Bất	
4	8388	PHAN HỒNG	ANH	K9XC	8			0					7	4.5	5.0	Năm	
5	0316	PHẠM VĂN	LÂM	T13XDC1	8			8					7	4	5.1	Năm pháp Mũi	
6	0321	LÊ VĂN	PHÚC	T13XDC1	10			8					7	4	5.3	Năm pháp Ba	
7	0324	NGUYỄN TIẾN	SĨ	T13XDC1	10			8					7	3	4.6	Bất pháp Sáu	
8	0339	NGUYỄN NGÔ HOÀI	BẮC	T13XDC1	8			6					7	2	3.5	Ba pháp Năm	
9	0352	NGUYỄN NGÔ	KHÔI	T13XDC1	10			7					7	2.5	4.2	Bất pháp Hai	
10	0365	NGUYỄN	THANH	T13XDC1	8			8					7	4.5	5.5	Năm pháp Năm	
11	0371	VÕ ĐẠI	TUẤN	T13XDC1	8			8					7	3.5	4.8	Bất pháp Tám	
12	0380	NGUYỄN LÊ TRUNG	HIỆU	T13XDC1	7			8					5	4.5	5.2	Năm pháp Hai	
13	0387	LÊ NHO	TRUNG	T13XDC1	8			5					7	4	4.8	Bất pháp Tám	
14	0388	PHAN QUANG	THỊNH	T13XDC1	8			6					7	4	4.9	Bất pháp Chèn	
15	0319	PHẠM NGỌC HÀ	NY	T13XDC2	10			7					7	4	5.2	Năm pháp Hai	
16	0327	ĐÀM QUỐC	THẮNG	T13XDC2	8			7					7	2.5	4.0	Bất	
17	0333	NGUYỄN KHẮC	TÚ	T13XDC2	10			7					7	4.5	5.6	Năm pháp Sáu	
18	0344	PHẠM QUANG	ĐẠO	T13XDC2	10			7					7	4.5	5.6	Năm pháp Sáu	
19	0346	TRẦN TRƯỜNG	GIANG	T13XDC2	8			5					7	4	4.8	Bất pháp Tám	
20	0348	HỒ QUANG VŨ	HOÀNG	T13XDC2	8			8					7	4	5.1	Năm pháp Mũi	
21	0368	TRẦN NIÊM	TIN	T13XDC2	5			8					0	2.5	3.1	Ba pháp Mũi	
22	0370	NGUYỄN THANH	TRIỀU	T13XDC2	8			7					7	3.5	4.7	Bất pháp Bảy	
23	0372	DƯƠNG ANH	VI	T13XDC2	10			7					7	4	5.2	Năm pháp Hai	
24	0373	NGUYỄN HỮU	VIÊN	T13XDC2	8			7					7	4.5	5.4	Năm pháp Bất	
25	0378	ĐÀO NGUYỄN	HÙNG	T13XDC2	8			7					7	4	5.0	Năm	
26	0386	NGUYỄN THÁI	SƠN	T13XDC2	10			8					7	4	5.3	Năm pháp Ba	
27	0176	PHAN QUANG	DŨNG	T13XDD3	10			7					8	4	5.3	Năm pháp Ba	
28	0233	NGUYỄN NGỌC	PHƯƠNG	T13XDD3	8			8					6	4	5.0	Năm	

Ngày thi: 02/04/2010

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				10			10					10	70	100		
29	0173	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	T14XDD2	8			7					7	4	5.0	Nam	
30	0186	VÕ ĐỨC HẠNH	T14XDD2	8			7					7	3	4.3	Bất hạnh Ba	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	109	85%	
2	Số sinh viên nợ	19	15%	
TỔNG CỘNG :		128	100%	

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 05 năm 2010

LẬP BẢNG

KIỂM TRA

(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA

(ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG ĐÀO TẠO

(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Trương Văn Tâm

ThS. Huỳnh Ngọc Hào

Nguyễn Ân